

- 2024;534(2).doi:10.51298/vmj.v534i2.8128
 8. Long Nguyễn Đức, Linh Trần Hoài, Quỳnh Ngô Văn, Tuấn Đặng Quốc. Đặc điểm căn nguyên vi khuẩn gây viêm phổi liên quan thở máy

tại khoa hồi sức tích cực – chống độc bệnh viện Đa khoa Xanh Pôn giai đoạn 2023 - 2024. Tạp chí Y học Việt Nam. 2025;546(2). doi:10.51298/vmj.v546i2.12647

THỰC TRẠNG KHỚP CẢN Ở HỌC SINH LỚP 12 TRƯỜNG LIÊN CẤP HERMANN GMEINER, HÀ NỘI NĂM 2025

Trương Thị Mai Anh¹, Lưu Văn Tường¹,
Hà Ngọc Chiêu², Nguyễn Tri Quyết³

TÓM TẮT

Mục tiêu: Đánh giá thực trạng về khớp cắn và các đặc điểm của khớp cắn của học sinh trung học phổ thông. **Phương pháp:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang trên đối tượng là học sinh lớp 12 tại trường liên cấp Hermann Gmeiner, Hà Nội. **Kết luận:** Tỷ lệ học sinh bị khớp cắn lệch lạc và các vấn đề liên quan đến khớp cắn cao. Đa số đối tượng nghiên cứu có tương quan Angle loại I cả răng 6 và răng 3, cả bên phải và bên trái. 13,2%; học sinh có lệch đường giữa hàm trên, trong đó có 7,1% lệch phải và 5,1% lệch trái; 53,2% học sinh có lệch đường giữa hàm dưới, trong đó 25,6% lệch phải và 27,6% lệch trái. Cung răng hàm trên và hàm dưới chủ yếu là hình oval. 23,1% học sinh có khớp cắn sâu và 30,5% có cắn hở, 17,9% học sinh có độ cắn chìa tăng, 47,4% học sinh có khớp khếch răng và 19,2% có cắn ngược, cắn chéo. Tỷ lệ bất thường số lượng răng thấp, chỉ 6,4%.

Từ khóa: lệch lạc khớp cắn, học sinh

SUMMARY

THE CURRENT STATUS OF OCCLUSION AMONG 12TH GRADE STUDENTS AT HERMANN GMEINER INTER-LEVEL SCHOOL, HANOI IN 2025

Objective: To evaluate the current status of occlusion and its characteristics among high school students. **Methods:** A cross-sectional descriptive study was conducted on 12th-grade students at Hermann Gmeiner Inter-level School, Hanoi. **Results and Conclusion:** The prevalence of malocclusion and occlusal abnormalities among students was relatively high. Most participants demonstrated Angle Class I molar and canine relationships on both the right and left sides. Maxillary midline deviation was observed in 13.2% of students, including 7.1% deviating to the right and 5.1% to the left. Mandibular midline deviation was found in 53.2% of students, with 25.6% to the right and 27.6% to the left. The majority of

dental arches (both upper and lower) were oval-shaped. Deep bite was present in 23.1% of students, open bite in 30.5%, increased overjet in 17.9%, dental crowding in 47.4%, and reverse bite or crossbite in 19.2%. The prevalence of tooth number anomalies was low, accounting for only 6.4%.

Keywords: occlusion, students.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Lệch lạc khớp cắn là một trong những vấn đề răng hàm mặt phổ biến trên toàn thế giới, ảnh hưởng đến chức năng ăn nhai, thẩm mỹ khuôn mặt và sức khỏe răng miệng. Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) đã xếp lệch lạc khớp cắn vào nhóm các bất thường vùng hàm mặt và định nghĩa đây là tình trạng răng sắp xếp sai lệch hoặc không khớp đúng giữa hai hàm trong tư thế lồng múi tối đa.

Mặc dù không phải là bệnh lý cấp tính nguy hiểm, lệch lạc khớp cắn có thể gây ra nhiều hậu quả lâu dài, bao gồm suy giảm chức năng ăn nhai, ảnh hưởng đến phát âm, gây mất tự tin trong giao tiếp và làm tăng nguy cơ mắc các bệnh răng miệng như sâu răng, viêm nha chu. Tại Việt Nam, tình trạng lệch lạc khớp cắn ở trẻ em và thanh thiếu niên ngày càng phổ biến, đặt ra nhu cầu cấp thiết về đánh giá thực trạng và đề xuất các biện pháp can thiệp phù hợp.

Xuất phát từ thực tế này, nghiên cứu được thực hiện nhằm đánh giá tỷ lệ lệch lạc khớp cắn ở học sinh lớp 12 trường phổ thông liên cấp Hermann Gmeiner năm 2023, từ đó cung cấp cái nhìn toàn diện hơn về tình trạng sai khớp cắn và nhu cầu chăm sóc sức khỏe răng miệng của lứa tuổi vị thành niên. Kết quả nghiên cứu sẽ góp phần định hướng công tác dự phòng và điều trị, giúp trẻ em có hàm răng khỏe mạnh, cải thiện chất lượng cuộc sống và phát triển toàn diện về thể chất cũng như tinh thần.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Chọn mẫu thuận tiện, nghiên cứu được thực hiện trên toàn bộ học sinh lớp 12 đang theo học tại trường liên cấp Hermann, tổng số 156 học sinh.

Học sinh được khám ở tư thế ngồi thẳng trên

¹Trường Đại học Y Dược, Đại học Quốc gia Hà Nội

²Trường Đại học Y Hà Nội

³Trường Đại học Y Dược Thái Bình

Chịu trách nhiệm chính: Lưu Văn Tường

Email: tuongdentist@gmail.com

Ngày nhận bài: 19.3.2025

Ngày phản biện khoa học: 22.4.2025

Ngày duyệt bài: 28.5.2025

ghế, đầu ngả về phía sau, bác sĩ ngồi đối diện quan sát và khám. Bác sĩ tiến hành phỏng vấn bằng câu hỏi trước khi khám, câu trả lời được trợ thủ điền vào phiếu in sẵn. Các biến số và chỉ số nghiên cứu bao gồm: Tuổi, giới, tương quan khớp cắn răng hàm, răng nanh theo Angle I, II, III, tình trạng khớp cắn hở, cắn sâu, cắn ngược, cắn chéo, răng thừa, răng thiếu. Người khám là các bác sĩ răng hàm mặt được tập huấn, định chuẩn để thống nhất về cách đánh giá với chỉ số Kappa là 0,9.

Các số liệu phân tích và xử lý theo thuật toán thống kê y học.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

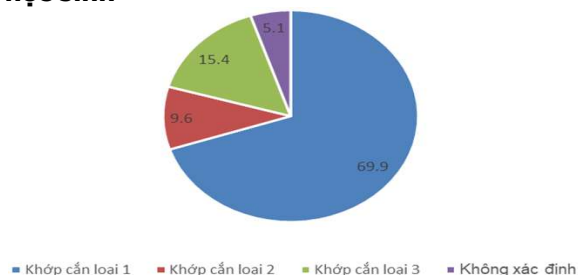
3.1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu

Bảng 1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu

Đặc điểm	n	%
Giới		
Nam	86	55,1
Nữ	70	44,9
Tuổi		
17	67	42,9
18	87	55,8
19	0	0
20	2	1,3
Tổng	156	100

Nhận xét: Bảng 1 cho thấy đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu. Tỷ lệ nam và nữ trong nghiên cứu là gần tương đồng với nhau. Độ tuổi của học sinh trong nghiên cứu tập trung nhiều ở lứa tuổi 17 (42,9%) và tuổi 18 (55,8%).

3.2. Thực trạng lệch lạc khớp cắn của học sinh



Biểu đồ 1. Tỷ lệ các loại khớp cắn

Nhận xét: Nhìn vào biểu đồ trên cho thấy tỷ lệ các loại khớp cắn trong nghiên cứu. Có gần 70% học sinh có lệch lạc khớp cắn Angle loại 1, 9,6% học sinh có lệch lạc khớp cắn loại 2; 15,4% học sinh có khớp cắn loại 3 và 5,1% là khớp cắn không xác định.

Bảng 2. Đặc điểm đường giữa hàm trên

Đường giữa hàm trên	N	%
Chính giữa	137	87,8

Lệch phải	11	7,1
Lệch trái	8	5,1
Tổng	156	100

Nhận xét: Bảng 2 cho thấy có 137 học sinh (87,8%) có đường giữa hàm trên ở chính giữa, 11 học sinh (7,1%) có đường giữa hàm trên lệch phải và 8 học sinh (5,1%) có đường giữa hàm trên lệch trái.

Bảng 3. Đặc điểm đường giữa hàm dưới

Đường giữa hàm dưới	N	%
Chính giữa	73	46,8
Lệch phải	40	25,6
Lệch trái	43	27,6
Tổng	156	100

Nhận xét: Bảng trên cho thấy có gần 50% học sinh có dưới ở chính giữa, 25,6% đường giữa hàm dưới lệch phải và 27,6% đường giữa hàm dưới lệch trái.

Bảng 4. Đặc điểm hình dạng cung răng hàm trên

Hình dạng cung răng hàm trên	N	%
Hình oval	116	74,4
Hình tam giác	2	1,3
Hình U	38	24,4
Tổng	156	100

Nhận xét: Với đặc điểm hình dạng cung răng hàm trên thì có gần 75% có hình oval, 1,3% hình tam giác và 24,4% hình chữ U.

Bảng 5. Đặc điểm hình dạng cung răng hàm dưới

Hình dạng cung răng hàm dưới	N	%
Hình oval	104	66,7
Hình tam giác	2	1,3
Hình U	50	32,1
Tổng	156	100

Nhận xét: Với đặc điểm hình dạng cung răng hàm dưới thì có đến 66,7% có hình oval, 1,3% hình tam giác và 32,1% hình chữ U.

Bảng 6. Đặc điểm tương quan răng 6 bên phải

Tương quan răng 6 bên phải	N	%
Loại I	109	69,9
Loại II	15	9,6
Loại III	24	15,4
Không xác định	8	5,1
Tổng	156	100

Nhận xét: Để đánh giá loại hình khớp cắn với tương quan răng hàm lớn vĩnh viễn bên phải thì thấy có 109 học sinh (69,9%) loại I, 15 học sinh (9,6%) loại II, 24 học sinh (15,4%) loại III.

Bảng 7. Đặc điểm tương quan răng 6 bên trái

Tương quan răng 6 bên trái	N	%
Loại I	104	67,7

Loại II	20	12,8
Loại III	29	18,6
Không xác định	3	1,9
Tổng	156	100

Nhận xét: Đánh giá với tương quan rằng hàm lớn vĩnh viễn bên trái thì thấy có 104 học sinh (67,7%) loại I, 20 học sinh (12,8%) loại II và 29 học sinh (18,6%) loại III

Bảng 8. Các đặc điểm về khớp cắn hở

Khớp cắn hở	N	%
Không có	124	79,5
Vùng răng trước	25	16
Vùng răng sau	4	2,6
Vùng răng trước sau	3	1,9
Tổng	156	100

Nhận xét: Có gần 80% học sinh (124 em) không có khớp cắn hở, có 25 học sinh (16%) có khớp cắn hở vùng răng trước, 4 học sinh (2,6%) có khớp cắn hở vùng răng sau và 3 học sinh (1,9%) có khớp cắn hở vùng răng trước sau.

Bảng 9. Đặc điểm khớp khểnh răng

Khớp khểnh răng	N	%
Không có	82	52,6
Vùng răng trước	56	35,9
Vùng răng sau	3	1,9
Vùng răng trước sau	15	9,6
Tổng	156	100

Nhận xét: Với đặc điểm răng khớp khểnh thì có hơn 50% học sinh trong nghiên cứu không có răng khớp khểnh, 35,9% khớp khểnh vùng răng trước, 1,9% khớp khểnh vùng răng sau và 9,6% khớp khểnh vùng răng trước sau.

Bảng 10. Đặc điểm về cắn ngược và cắn chéo

Cắn ngược và cắn chéo	N	%
Không có	126	80,8
Cắn ngược vùng răng trước	18	11,5
Cắn chéo vùng răng sau	7	4,5
Cắn ngược vùng răng trước và cắn chéo vùng răng sau	5	3,2
Tổng	156	100

Nhận xét: Trong nghiên cứu thì chỉ có 11,5% học sinh cắn ngược vùng răng trước, 4,5% học sinh cắn chéo vùng răng sau và 3,2% có cả 2 đặc điểm trên.

Bảng 11. Đặc điểm cắn chìa

Cắn chìa	N	%
Bình thường (2-3mm)	128	82,1
Tăng (>3mm)	28	17,9
Tổng	156	100

Nhận xét: Với đặc điểm cắn chìa thì chỉ có 17,9% học sinh cắn chìa tăng (trên 3mm).

Bảng 12. Đặc điểm khớp cắn sâu

Khớp cắn sâu	N	%
--------------	---	---

Có	36	23,1
Không	120	76,9
Tổng	156	100

Nhận xét: Có 36 học sinh (23,1%) có khớp cắn sâu trong nghiên cứu.

Bảng 13. Đặc điểm răng thừa đã mọc

Răng thừa đã mọc	N	%
Có	2	1,3
Không	154	98,7
Tổng	156	100

Nhận xét: Trong nghiên cứu chỉ có 2 học sinh có răng thừa đã mọc (chiếm 1,3%)

Bảng 14. Đặc điểm bất thường số lượng răng

Bất thường số lượng răng	N	%
Đủ răng	146	93,6
Thiếu răng	8	5,1
Thừa răng	2	1,3
Tổng	156	100

Nhận xét: Về bất thường số lượng răng thì chỉ có 8 học sinh (5,1%) thiếu răng và 2 học sinh (1,3%) thừa răng.

IV. KẾT LUẬN

Đánh giá tình trạng khớp cắn giúp phát hiện sớm, tư vấn điều trị kịp thời giúp cải thiện cả chức năng ăn nhai, thẩm mỹ và phòng tránh được các hậu quả như mòn, gãy vỡ răng, sang chấn khớp cắn... cho các em học sinh. Qua nghiên cứu, chúng tôi thấy tình trạng sai khớp cắn ở nhóm nhóm học sinh khối lớp 12 ở trường liên cấp Hermann Gmeiner như sau:

- Phần lớn học sinh lớp 12 có tương quan loại I theo Angle cả răng 6 và răng 3, cả bên phải và bên trái: 70%

- 13,2% học sinh có lệch đường giữa hàm trên, trong đó có 7,1% lệch phải và 5,1% lệch trái; 53,2% học sinh có lệch đường giữa hàm dưới, trong đó 25,6% lệch phải và 27,6% lệch trái.

- Cung răng hàm trên và hàm dưới chủ yếu là hình oval.

- 23,1% học sinh có khớp cắn sâu và 30,5% có cắn hở, 17,9% học sinh có độ cắn chìa tăng, 47,4% học sinh có khớp khểnh răng và 19,2% có cắn ngược, cắn chéo.

- Tỷ lệ bất thường số lượng răng thấp, chỉ 6,4%.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. WHO (1987) - Tình trạng khớp cắn
2. Nguyễn Thị Thu Phương. Chính hình răng mặt tập 1, tập 2. NXB Giáo dục. 2013.
3. Trịnh Đình Hải, Đào Ngọc Phong. Phương pháp nghiên cứu dịch tễ học lâm sàng trong nha khoa. NXB Y học. 2014
4. Đào Thị Dung. Phòng bệnh răng miệng và chương trình Nha học đường. NXB Y học. 2013.